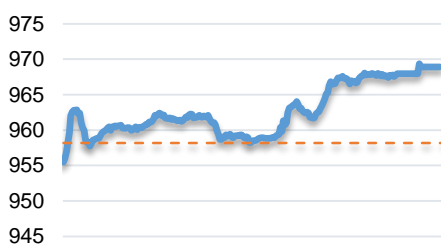


Diễn biến thị trường trong phiên

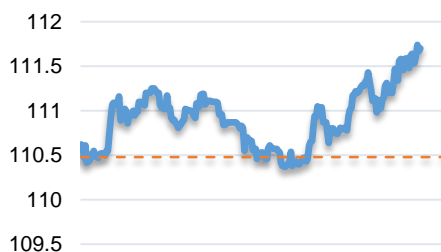
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	968.90	111.70	51.00
% ngày	1.12	1.11	0.19
% tuần	(2.92)	(1.66)	(1.50)
% tháng	1.27	5.67	0.44
% năm	21.61	6.78	(6.13)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	2,961.69	524.62	140.23
Hôm qua	3,595.77	677.24	164.73
TB 1 tháng	3,612.11	624.90	209.70
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	497.02	12.53	35.41
Bán	345.05	33.01	9.55
Giá trị ròng	151.97	(20.48)	25.86
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	176	96	88
Mã Giảm	89	60	70
Không Đổi	88	228	576
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.4x	10.6x	9.7x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,062	194	836
LS Cổ tức	2.20	2.38	3.98

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng Ngâu với lượng thanh khoản trung bình trong tháng là 5,076 tỷ đồng thấp hơn nhiều so với thanh khoản trung bình từ đầu năm đến nay khoảng 7,000 tỷ đồng. Chỉ số VN-Index có sự phục hồi tốt trong phiên khi tăng lại 1.12% đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên 968.9 điểm và chỉ số HNX-Index hồi phục lại 1.11% và đóng cửa tại 111.7 điểm. Riêng chỉ số Upcom-Index đóng cửa trên mức tham chiếu tại 51 điểm.

Cuối phiên nhờ sự bức phá của các nhóm ngành đã làm thị trường phủ xanh trên tất cả chỉ số. Đặc biệt là nhóm ngành tài chính hỗ trợ rất tốt cho thị trường như nhóm ngân hàng ACB, BID, CTG, MBB, VCB; nhóm bảo hiểm BVH; chứng khoán HCM, SSI, VND... Bên cạnh đó, các cổ phiếu bất động sản, xây dựng như NVL, NLG, PC1, DXG, LDG, HBC, HAR, FCN... cũng có phiên tăng điểm khá tốt. Ngoài ra, sắc xanh tại các Bluechips như GAS, DHG, FPT, DPM, HPG, PNJ, MSN, PLX, VJC, VRE... càng giúp đà tăng được củng cố vững chắc.

Trên sàn HNX sau khoản thời gian gần đây khối ngoại liên tục mua ròng thì trong phiên hôm nay chuyển qua bán ròng nhẹ khoảng 20 tỷ đồng và VGC, PVS và CEO là những mã chịu áp lực bán ròng nhiều trong phiên. Tuy nhiên điểm tích cực của khối ngoại vẫn diễn ra trên hai sàn HSX và Upcom khi lượng mua ròng trên 2 sàn này lên đến gần 180 tỷ đồng. Nhà đầu tư ngoại sau chuỗi ngày bán ròng liên tục thì nay đã quay lại mua ròng với những mã như HPG, VCB, VNM, KDC, HCM, trên sàn Upcom thì vẫn là POW và VEA được khối ngoại mua ròng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục trong phiên giao dịch đầu tuần tới và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức kháng cự 978 điểm. Điểm tích cực là lực cầu gia tăng tại các mức giá thấp ở nhóm Largecaps. Đồng thời, với đà giảm trong tuần giao dịch 03 – 07/09/2018, nhiều cổ phiếu đã rơi vào trạng thái quá bán ngắn hạn cho nên nhịp hồi phục kỹ thuật có thể sẽ được xuất hiện trong vài phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức cân bằng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 987.73 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức cắt lỗ ở mức 109.93 điểm cho thấy thị trường vẫn đang có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp hồi phục để cơ cấu lại danh mục về mức cân bằng và vẫn nên ưu tiên nắm giữ ở nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps.

Theo đồ thị tuần, thị trường có thể sẽ còn bước vào giai đoạn tích lũy trong tuần giao dịch tới, tức là thị trường sẽ có trạng thái đi ngang quanh đường trung bình 20 tuần (mức 983 điểm của chỉ số VN-Index). Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu khuyến nghị trung hạn tiếp tục tăng cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng và rủi ro ngắn hạn được đánh giá tiếp tục giảm dần. Ngoài ra, xu hướng trung hạn vẫn duy trì ở mức GIẢM trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 1,021 điểm của chỉ số VN-Index và 115.39 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể tích lũy cổ phiếu theo mức khuyến nghị. Trên quan điểm an toàn thì có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 51% cổ phiếu/49% tiền mặt.

**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn:** 43% cổ phiếu/57% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.20	TĂNG	GIẢM	17.15	17.16	0.29%			19.58		
ACB	32.70	TĂNG	GIẢM	35.60	32.58	-8.15%			36.35		
ACV	80.70	GIẢM	GIẢM		83.97				95.72		
ANV	18.90	TĂNG	GIẢM	18.90	16.98	0.00%			21.39		
BFC	27.00	GIẢM	GIẢM		28.45				28.92		
BHN	81.00	GIẢM	GIẢM		83.53				104.52		
BID	32.75	TĂNG	TĂNG	25.80	32.31	26.94%		33.40	27.33	-1.95%	
BMP	55.50	TĂNG	GIẢM	56.20	53.85	-1.25%			62.30		
BSR	16.70	GIẢM	GIẢM		17.99				19.99		
BVH	86.00	GIẢM	TĂNG		92.52			86.00	74.55	0.00%	MUA
BWE	18.05	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	1.98%			19.20		
CEO	13.30	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	-0.75%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.10	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	-1.05%		14.39	12.77	-2.02%	
CTD	163.00	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	9.03%		161.20	140.04	1.12%	
CTG	25.90	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	7.92%			28.07		
CTI	28.15	GIẢM	GIẢM		30.60				33.12		
CVT	24.30	GIẢM	GIẢM		26.11				29.58		
DCM	10.05	TĂNG	GIẢM	10.16	10.00	-1.10%			10.69		
DGW	25.30	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	5.86%			26.51		
DHA	26.75	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	39.00	GIẢM	GIẢM		40.34				43.77		
DHG	91.40	GIẢM	GIẢM		95.27				106.33		
DPG	50.30	TĂNG	TĂNG	40.90	49.16	22.98%		52.00	38.30	-3.27%	
DPM	17.10	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	36.70	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-2.13%			39.04		
DQC	29.05	TĂNG	GIẢM	29.55	27.73	-1.69%			30.33		
DRC	25.90	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	0.19%		24.30	22.34	6.58%	
DXG	26.95	GIẢM	GIẢM		28.67				29.38		
ELC	8.85	GIẢM	GIẢM		9.18				10.54		
FCN	15.40	GIẢM	TĂNG		16.59			17.70	14.10	-12.99%	
FIT	4.12	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-3.51%			4.98		
FMC	25.05	TĂNG	TĂNG	21.20	23.74	18.16%		24.70	20.29	1.42%	
FPT	42.35	GIẢM	GIẢM		44.26				45.46		
GAS	100.20	TĂNG	TĂNG	101.50	98.03	-1.28%		103.00	83.67	-2.72%	
GEX	27.35	GIẢM	TĂNG		29.37			30.10	25.97	-9.14%	
GIL	50.50	TĂNG	TĂNG	41.65	48.66	21.25%		34.90	43.69	44.70%	
GMD	27.10	TĂNG	GIẢM	25.40	25.68	6.69%			28.65		

We Create Fortune

GTN	10.45	GIẢM	TĂNG		11.42			11.20	9.83	-6.70%	
HAG	6.09	GIẢM	TĂNG		6.93			6.19	5.86	-1.62%	
HAX	15.25	GIẢM	GIẢM		16.04				18.52		
HBC	21.95	GIẢM	GIẢM		23.37				27.24		
HDB	36.50	TĂNG	GIẢM	38.20	36.39	-4.45%			42.32		
HNG	17.75	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	6.29%		8.20	14.10	116.46%	
HPG	38.65	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	3.90%			42.50		
HSG	10.45	GIẢM	GIẢM		11.17				13.29		
HT1	13.00	TĂNG	TĂNG	11.75	12.36	10.64%		13.00	12.91	0.00%	MUA
HUT	5.10	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	37.00	GIẢM	TĂNG		40.09			39.20	31.92	-5.61%	
ITD	12.00	TĂNG	TĂNG	12.40	11.66	-3.23%		12.40	11.14	-3.23%	
KBC	11.85	GIẢM	GIẢM		12.41				13.24		
KDH	31.00	TĂNG	GIẢM	30.30	30.34	2.31%			33.01		
KSB	31.75	TĂNG	GIẢM	30.95	30.59	2.58%			33.01		
LCG	9.36	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-1.06%		9.39	8.19	-0.32%	
LDG	14.55	TĂNG	GIẢM	15.00	13.91	-3.00%			15.06		
LIX	40.30	GIẢM	GIẢM		41.04				43.86		
LPB	9.10	GIẢM	GIẢM		9.59				11.56		
LSS	6.76	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	94.80	TĂNG	TĂNG	79.10	91.20	19.85%		90.60	80.07	4.64%	
MWG	116.40	GIẢM	TĂNG		121.91			121.00	106.33	-3.80%	
NKG	12.90	GIẢM	GIẢM		13.57				16.46		
NLG	30.10	GIẢM	GIẢM		31.54				31.83		
NT2	26.10	GIẢM	GIẢM		26.90				28.69		
NTL	9.70	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-6.28%		10.45	8.94	-7.18%	
NTP	48.50	TĂNG	GIẢM	46.40	46.73	4.53%			51.08		
PAC	39.30	TĂNG	GIẢM	40.20	38.63	-2.24%			42.18		
PC1	24.70	GIẢM	GIẢM		26.03				28.95		
PDR	24.90	GIẢM	GIẢM		26.24				29.12		
PGC	14.00	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-2.44%			15.68		
PHR	24.55	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	12.10%		24.00	21.67	2.29%	
PLX	67.10	TĂNG	TĂNG	60.50	64.83	10.91%		68.00	57.13	-1.32%	
PNJ	96.00	GIẢM	TĂNG		103.20			103.90	86.95	-7.60%	
POW	13.80	TĂNG	TĂNG	13.00	13.31	6.15%		14.10	11.31	-2.13%	
PPC	17.95	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-2.97%			19.21		
PTB	57.90	TĂNG	TĂNG	60.00	57.49	-3.50%		64.00	53.16	-9.53%	
PVD	14.45	TĂNG	TĂNG	15.75	14.35	-8.25%		16.35	11.96	-11.62%	
PVI	29.10	TĂNG	GIẢM	29.90	28.43	-2.68%			33.24		
PVS	21.00	TĂNG	TĂNG	17.00	19.73	23.53%		20.90	16.24	0.48%	
PXS	5.84	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.60	-5.65%	
RAL	88.00	TĂNG	GIẢM	91.00	84.58	-3.30%			100.14		
REE	34.40	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-5.49%	

We Create Fortune

SAB	222.80	TĂNG	GIẢM	208.00	216.31	7.12%		233.02	
SAM	7.35	TĂNG	GIẢM	7.16	7.00	2.65%		7.59	
SBV	24.00	GIẢM	GIẢM		25.97			28.78	
SCR	8.91	GIẢM	GIẢM		9.48			10.30	
SHI	6.17	GIẢM	TĂNG		6.31		6.99	5.88	-11.73%
SJS	18.90	GIẢM	GIẢM		20.12			21.87	
SKG	21.80	GIẢM	TĂNG		22.66		23.10	20.01	-5.63%
SSI	30.90	TĂNG	GIẢM	29.55	30.13	4.57%		34.19	
STB	11.05	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	-1.34%		12.71	
SVC	44.90	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74	
TCB	24.80	GIẢM	GIẢM		26.70			N/A	
TCM	22.95	TĂNG	TĂNG	17.80	21.67	28.93%	21.60	18.06	6.25%
TDH	11.20	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-4.27%		12.95	
TLH	7.10	GIẢM	GIẢM		7.42			8.20	
TMT	7.10	GIẢM	GIẢM		7.45			7.28	
TNG	12.20	TĂNG	TĂNG	10.80	11.68	12.96%	12.00	10.14	1.67%
TYA	10.35	GIẢM	GIẢM		10.78			12.18	
VCB	60.30	GIẢM	GIẢM		63.68			64.41	
VFG	36.80	GIẢM	TĂNG		37.58		34.39	32.56	7.00%
VGC	18.90	TĂNG	GIẢM	17.90	17.58	5.59%		21.13	
VHM	105.00	GIẢM	N/A		110.00				
VIB	26.30	GIẢM	GIẢM		27.70			30.67	
VIC	98.00	GIẢM	TĂNG		103.65		111.50	92.44	-12.11%
VIP	6.86	GIẢM	GIẢM		7.08			7.29	
VJC	147.00	GIẢM	TĂNG		156.05		156.00	130.21	-5.77%
VNM	122.10	GIẢM	GIẢM		128.96			144.03	
VPB	24.60	GIẢM	GIẢM		26.49			31.61	
VRC	23.10	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	30.14%	19.35	19.40	19.38%
VRE	36.55	GIẢM	GIẢM		38.72			44.98	
VSC	40.40	TĂNG	TĂNG	35.50	39.30	13.80%	35.30	34.91	14.45%
VSH	17.20	GIẢM	TĂNG		17.61		17.40	16.64	-1.15%



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	968.90	1.12
VN30	945.59	1.45
VN Mid	1,008.48	0.48
VN Small	807.99	0.36

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	497.02	
Bán	345.05	
GT rỗng	151.97	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAR	390	7.0%
TPB	1,700	6.9%
TCM	1,400	6.1%
PAC	2,000	5.1%
VNM	5,000	4.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HNG	(1,150)	-6.5%
NVT	(350)	-5.3%
THI	(2,300)	-5.3%
TCH	(1,050)	-3.9%
HAG	(200)	-3.3%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	310,226	
VHM	280,823	
VCB	223,062	
VNM	221,337	
GAS	192,161	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
ASM	11.56	4.11
HAG	9.68	9.88
FLC	5.54	15.13
HPG	5.41	5.66
HNG	5.33	2.46

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	111.70	1.11
HN30	201.10	0.45
VNX AllSh	1,362.76	1.17

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	12.53	
Bán	33.01	
GT rỗng	(20.48)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBS	1,300	8.7%
TNG	300	2.5%
NVB	200	2.4%
ACB	700	2.1%
SHS	300	2.1%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCG	(500)	-2.9%
DBC	(700)	-2.4%
HUT	(100)	-2.0%
NDN	(200)	-1.4%
DGC	(500)	-1.2%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,655	
VCS	14,176	
SHB	9,986	
PVS	9,336	
VGC	8,474	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	7.88	6.89
SHB	4.18	6.81
DST	3.53	0.71
ACB	2.48	5.36
VGC	1.92	1.65

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.00	0.19

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	35.41	
Bán	9.55	
GT rỗng	25.86	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	600	6.3%
DVN	500	3.2%
VIB	600	2.3%
ACV	1,800	2.2%
POW	300	2.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	(700)	-3.3%
LPB	(100)	-1.1%
LTG	(200)	-0.5%
QNS	(200)	-0.5%
MPC	200	0.5%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	179,613	
MCH	54,040	
BSR	52,088	
HVN	47,229	
POW	33,020	

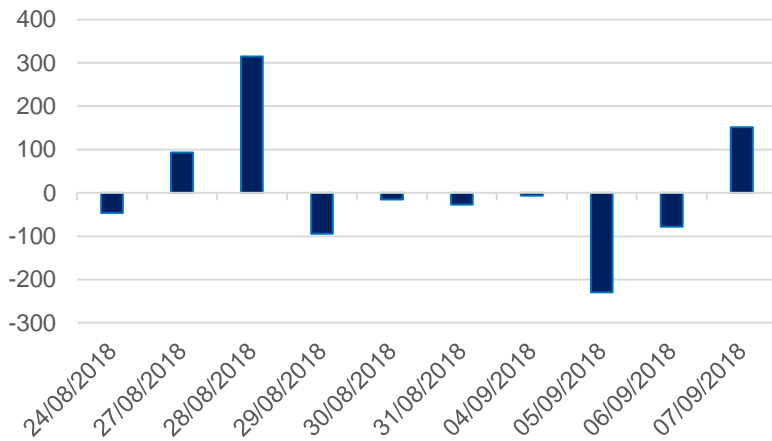
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
POW	1.99	1.37
LPB	1.83	1.79
VGT	1.76	0.49
BSR	1.14	1.88
ART	0.58	1.38

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

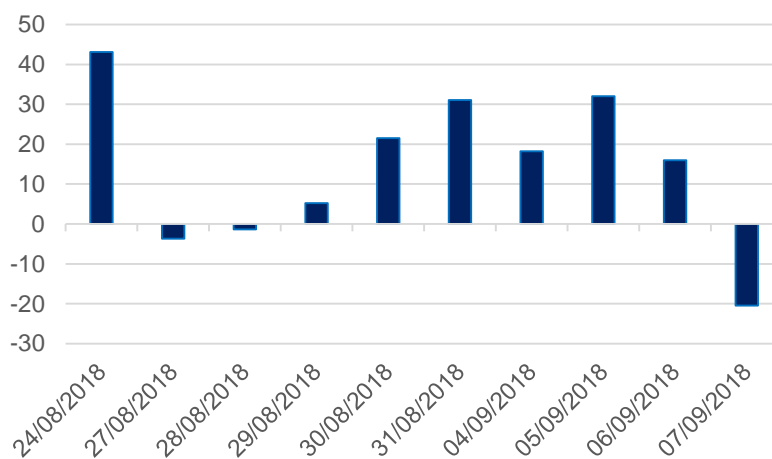
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HPG	52,563	NVL	(19,425)
VCB	48,590	GAS	(13,126)
VNM	34,508	VIC	(9,806)
KDC	14,836	GEX	(6,344)
HCM	10,575	VND	(6,225)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

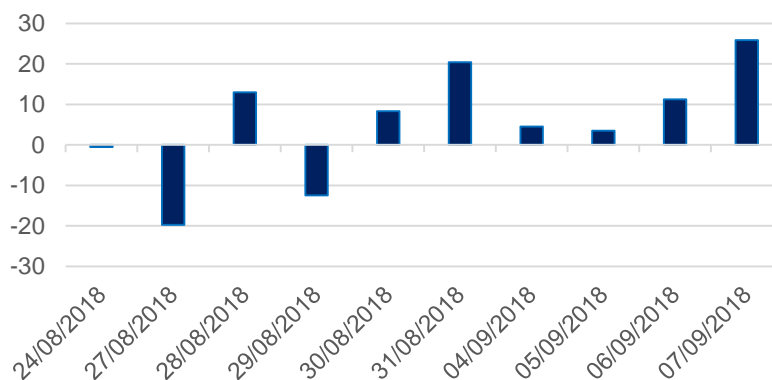
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
DBC	2,134	VGC	(9,877)
NTP	291	PVS	(7,350)
SHS	250	CEO	(2,395)
LAS	116	TNG	(1,320)
VCG	105	SHB	(810)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	19,645	VGT	(5,120)
VEA	13,398	LTG	(1,680)
ACV	295	MPC	(1,127)
BSR	169	MSR	(276)
HVN	160	SEA	(42)

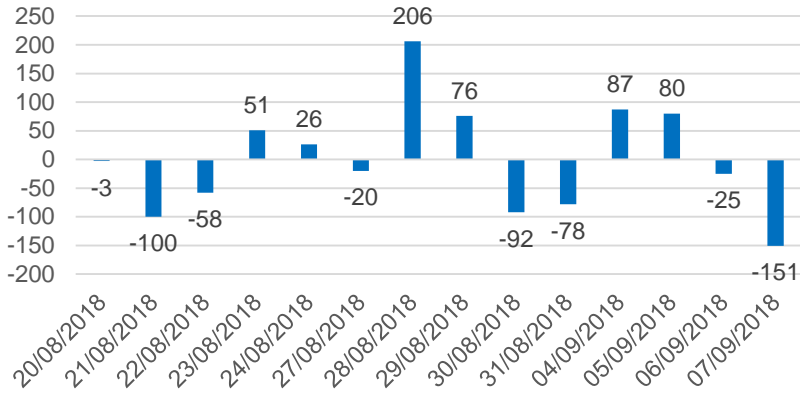
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

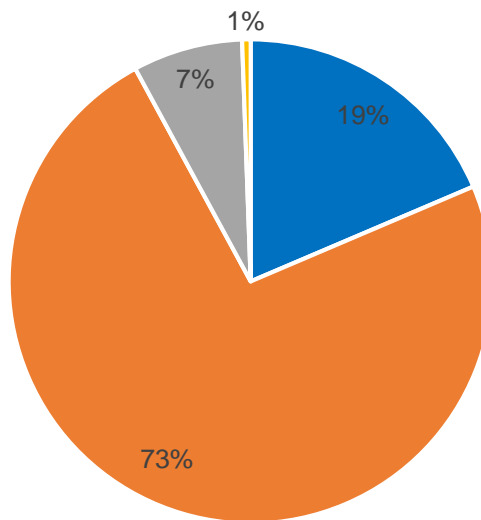


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
<b>NVL</b>	35,538	<b>NVL</b>	33,352
<b>MWG</b>	17,099	<b>VIC</b>	29,866
<b>SSI</b>	9,406	<b>HPG</b>	29,081
<b>HNG</b>	9,379	<b>VPB</b>	10,470
<b>VIC</b>	8,705	<b>MWG</b>	9,083

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



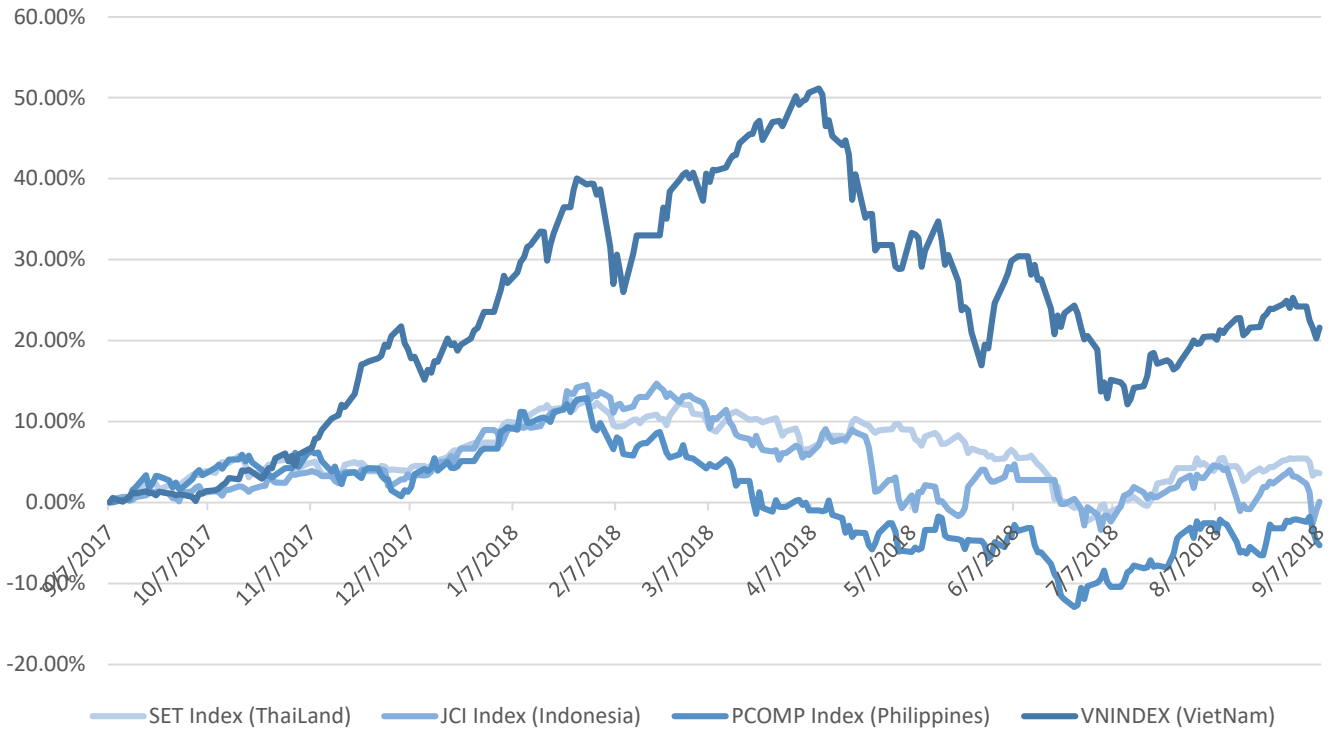
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

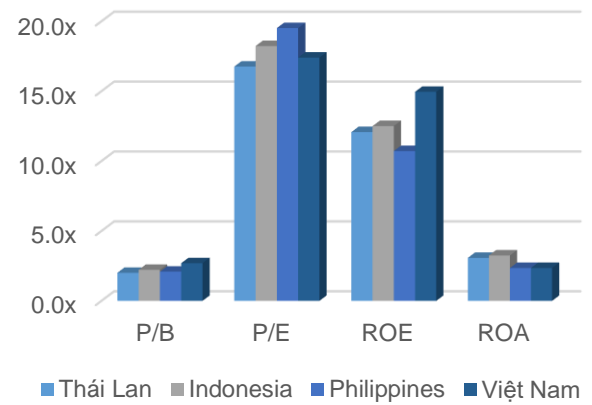
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	2.1x	2.7x
P/E		16.8x	18.2x	19.5x	17.4x
ROE	%	12.08	12.50	10.72	14.95
ROA	%	3.08	3.25	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	520.98	438.40	178.40	131.40
GTGD	Triệu USD	1.48	0.45	0.10	0.13
LS cổ tức	%	3.12	2.33	1.55	2.20

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



■ Thái Lan ■ Indonesia ■ Philippines ■ Việt Nam



We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written